



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company

Tên viết tắt: INTERSERCO

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/12/2021 là: 360.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã ILS. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu ILS thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 267/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1543/TB-SGDHN ngày 03/4/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Hoàng Yến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 325/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 5.20 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 - Chính sách kế toán áp dụng, cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tính đến thời điểm ngày 30/6/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 76.419.153.915 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 149.173.319.517 đồng. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo soát xét ngày 25/8/2023 đưa ra kết luận ngoại trừ do các nguyên nhân sau:

- Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán số tiền khoảng 29,546 tỷ đồng. Do đó, đơn vị kiểm toán không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên và không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không. Đến thời điểm ngày 30/6/2024, Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn, đồng thời thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi liên quan. Do vậy, vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

- Đơn vị kiểm toán chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Do vậy, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được Công ty trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, Công ty đã thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, vì vậy vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

- Đơn vị kiểm toán chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 14.523.760.581 đồng. Theo đó, đơn vị kiểm toán không đưa ra kết luận về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư này tại ngày 30/6/2023. Đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty đã thu thập được các xác nhận giá trị đầu tư này. Do đó, vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán ngày 29/3/2024 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại thời điểm ngày 31/12/2023. Do đó, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết đang được trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Đến thời điểm này, Công ty đã thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Do vậy, khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm ngày 31/12/2023 đã được Công ty trình bày lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=100+120+130+140+150)	100		92.398.877.561	106.809.384.081
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.530.117.184	15.428.797.705
1. Tiền	111		10.530.117.184	9.628.797.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	5.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.165.910.905	85.767.321.149
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	78.804.443.365	86.156.014.876
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	14.825.791.353	16.590.758.592
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	8.000.000.000	8.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	42.360.137.132	44.580.566.860
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(68.824.460.945)	(69.560.019.179)
IV. Hàng tồn kho	140		3.122.007.515	2.917.691.420
1. Hàng tồn kho	141	5.7	3.122.007.515	2.917.691.420
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.580.841.957	2.695.573.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.345.136.476	1.680.303.604
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		436.963	68.615.132
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.235.268.518	946.655.071
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		557.396.548.722	534.169.186.845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.760.467.642	2.307.100.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	6.760.467.642	2.307.100.000
II. Tài sản cố định	220		48.343.243.449	46.976.849.460
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	48.199.533.384	46.776.181.219
- Nguyên giá	222		159.015.928.055	154.738.976.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.816.394.671)	(107.962.795.605)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	143.710.065	200.668.241
- Nguyên giá	228		1.044.981.600	1.044.981.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(901.271.535)	(844.313.359)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		268.187.825.797	249.112.818.755
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	268.187.825.797	249.112.818.755
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	230.063.451.796	232.625.400.556
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		65.727.821.601	69.712.905.954
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		166.510.480.470	165.087.344.877
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.174.850.275)	(2.174.850.275)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.041.560.038	3.147.018.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.733.311.378	3.147.018.074
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	308.248.660	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		649.795.426.283	640.978.570.926

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 01a - DN/HN

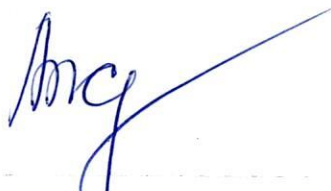
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		316.870.437.406	305.328.652.400
I. Nợ ngắn hạn	310		241.572.197.078	242.358.699.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	7.794.259.476	9.946.729.468
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		92.838.265	290.904.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.818.860.416	761.834.107
4. Phải trả người lao động	314		3.143.952.622	5.004.744.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.066.620.616	8.509.003.544
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	372.400.000	80.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	125.271.736.430	124.819.422.959
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	92.874.595.806	92.769.926.583
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		136.933.447	176.133.447
II. Nợ dài hạn	330		75.298.240.328	62.969.953.233
1. Phải trả người bán dài hạn	331		4.655.445.480	4.462.999.200
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	67.102.911.525	54.967.070.710
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	3.539.883.323	3.539.883.323
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.924.988.877	335.649.918.526
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	332.924.988.877	335.649.918.526
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(76.419.153.915)	(74.089.009.393)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(77.747.887.594)	(77.215.396.656)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		1.328.733.679	3.126.387.263
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		49.344.142.792	49.738.927.919
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		649.795.426.283	640.978.570.926
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Phương

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 02a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	74.080.828.002	81.407.770.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		74.080.828.002	81.407.770.980
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	60.661.491.098	67.547.825.244
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.419.336.904	13.859.945.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.283.167.461	3.214.034.945
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.244.157.834	2.551.733.726
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.053.675.448	2.477.743.960
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		954.200.000	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	1.115.263.595
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.832.568.702	21.459.397.960
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		2.579.977.829	(8.052.414.600)
12. Thu nhập khác	31	6.6	945.281.869	711.281.033
13. Chi phí khác	32	6.6	427.025.203	525.156.505
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	518.256.666	186.124.528
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.098.234.495	(7.866.290.072)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	661.311.643	538.452.569
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(46.187.839)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.483.110.691	(8.404.742.641)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.328.733.679	(9.394.004.723)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.154.377.012	989.262.082
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	37	(261)

Người lập biểu


Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng


Phạm Xuân Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/06/2024	ngày 30/06/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.098.234.495	(7.866.290.072)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.273.599.066	4.777.220.345
- Các khoản dự phòng	03		(735.558.234)	10.520.580.728
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		190.482.386	35.589.766
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.874.640.188)	(3.632.617.044)
- Chi phí lãi vay	06		2.053.675.448	2.477.743.960
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.005.792.973	6.312.227.683
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.663.165.558	8.657.688.758
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(204.316.095)	3.010.636.470
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.500.884.047	(4.743.830.054)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(251.126.176)	(50.118.394)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(474.567.642)	(1.345.726.462)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(673.222.888)	(849.453.712)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(169.347.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.566.609.777	10.822.076.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.506.509.094)	(1.084.874.038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		637.272.727	710.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.930.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		1.547.196.846	(1.960.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.237.367.461	3.026.911.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.084.672.060)	3.622.492.033
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		4.970.000.000	15.931.200.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.865.330.777)	(17.294.790.544)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.487.251.355)	(1.699.439.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.382.582.132)	(3.063.030.396)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.900.644.415)	11.381.538.423
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	15.428.797.705	12.619.299.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.963.894	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	11.530.117.184	24.000.837.549

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung



Phạm Xuân Phương



Vũ Hoàng Thao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/12/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 12 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên tiếng anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company

Tên viết tắt: INTERSERCO

Vốn điều lệ theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/12/2021 là: 360.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã ILS. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu ILS thuộc diện duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 267/QĐ-SGDHN và Thông báo số 1543/TB-SGDHN ngày 03/4/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động của Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2024 là 160 người (Tại ngày 31/12/2023 là 171 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không bao gồm kim loại quý, đá quý);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không bao gồm lúa gạo, thuốc lá và xì gà)

Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không bao gồm lúa gạo)

Bán buôn thực phẩm (không bao gồm đường mía, đường củ cải);

...

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Cho thuê kho bãi, vận chuyển, thương mại, ...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Hà Nội	Xếp dỡ, vận chuyển và cho thuê kho bãi	50,06%	50,06%	50,06%
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Hà Nội	Xếp dỡ, vận chuyển	58,65%	58,65%	58,65%
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	Hà Nội	Cung ứng và quản lý lao động	51,00%	51,00%	51,00%
Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Hà Nội	Đào tạo nghề	30,00%	48,35%	65,98%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Hà Nội	Tư vấn thiết kế công trình, dự án		29,00%	29,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Hà Nội	Xây dựng, quản lý dự án tổ hợp khách sạn, TTTM		39,78%	39,78%
Công ty May liên doanh Plummy (i)	Hà Nội	Sản xuất và Kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu		(i)	(i)
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	Hà Nội	Thương mại hàng hóa và Dịch vụ vận chuyển		49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác		30,60%	30,60%
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Hà Nội	Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác		47,00%	47,00%
Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Hà Nội	Đào tạo nghề		30,00%	30,00%

(i) Khoản đầu tư Công ty nhận bàn giao theo Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 26/09/2012 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty May Liên doanh Plummy chưa xác định tư cách cổ đông của Công ty.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Công ty con được hợp nhất:

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Cảng Hà Tây thuộc Sở Giao thông Vận tải Hà Tây (nay là Hà Nội) theo Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2011 của ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Cổ phần Cảng Hồng Hà thuộc Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0500238339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 14/11/2023. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận chuyển và cho thuê kho bãi. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nắm giữ 50,06% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106286937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/08/2013 và thay đổi gần nhất lần thứ 9 ngày 11/05/2021. Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nắm giữ 58,65% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105619421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/11/2011 và thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 18/11/2020. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng và quản lý nguồn lao động. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nắm giữ 51,00% vốn thực góp.

Công ty TNHH Logistics Interserco - Vật Cách là Công ty con của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình. Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải và Logistics.

Trường Trung cấp nghề nhân lực Quốc tế Hà Nội được sở hữu vốn trực tiếp của Công ty mẹ là 30%, sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế là 35,98%. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nắm giữ 65,98% quyền biểu quyết.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tính đến thời điểm ngày 30/6/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 76.419.153.915 đồng, tại ngày này các khoản nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 149.173.319.517 đồng. Khả năng liên tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất của Công ty và các Công ty con, sự hỗ trợ của các cổ đông, gia hạn thanh toán các khoản vay từ các tổ chức tín dụng, cá nhân, các khoản phải trả nhà cung cấp, triển khai dự án cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội vào hoạt động, cũng như việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét xử lý xóa nợ lãi vay phải trả được trình bày tại Thuyết minh số 5.20, các khoản tài trợ tài chính từ các cá nhân, tổ chức tín dụng. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng vào việc triển khai thành công các kế hoạch của Công ty trong tương lai.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số tháng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp Theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao trong thời gian 32 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay
- Chi phí trả trước khác: vận chuyển, ...

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi Đại hội cổ đông quyết định và theo Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư cho thuê trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ đi kèm, cho thuê mặt bằng kho bãi và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	4.356.394.122	1.352.791.758
Tiền gửi ngân hàng	6.173.723.062	8.276.005.947
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	5.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	1.000.000.000	5.800.000.000
Tổng	11.530.117.184	15.428.797.705

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3% đến 4,6%/năm.

5.2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	78.804.443.365	86.156.014.876
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Xuất khẩu Thiên Tài	24.353.472.000	24.353.472.000
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12.778.342.970	13.078.324.970
Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Việt Long	6.108.373.827	6.148.373.827
Công ty Cổ phần Mai Vũ	1.666.620.000	5.004.477.320
XNXD3 - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị	6.440.269.832	6.440.269.832
UDIC - Công ty TNHH MTV	6.440.269.832	6.440.269.832
Công ty CP Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	3.185.323.200	4.685.323.200
Các đối tượng khác	24.272.041.536	26.445.773.727
Tổng	78.804.443.365	86.156.014.876

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	5.525.687.248	3.127.725.541
---	----------------------	----------------------

5.3. Trả trước cho người bán

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	14.825.791.353	16.590.758.592
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội	5.336.785.750	5.336.785.750
KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	4.722.879.570
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	1.203.742.500	1.203.742.500
Các đối tượng khác	3.562.383.533	5.327.350.772
Tổng	14.825.791.353	16.590.758.592

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.4. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Càng Hồng Vân	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Tổng	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>7.500.000.000</i>	-	<i>7.500.000.000</i>	-

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	42.360.137.132	(6.377.001.919)	44.580.566.860	(6.377.001.919)
Ký cược, ký quỹ	126.000.000	-	216.000.000	-
Tạm ứng	32.461.330.269	-	31.697.287.075	-
Phải thu khác	9.772.806.863	-	12.667.279.785	-
<i>Ông Trịnh Quang Chiến</i>	<i>3.560.333.333</i>	<i>(3.560.333.333)</i>	<i>3.560.333.333</i>	<i>(3.560.333.333)</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đông Gia Phát</i>	<i>2.816.668.586</i>	<i>(2.816.668.586)</i>	<i>2.816.668.586</i>	<i>(2.816.668.586)</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>3.395.804.944</i>	-	<i>6.290.277.866</i>	-
Dài hạn	6.760.467.642	-	2.307.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	6.760.467.642	-	2.307.100.000	-
Tổng	49.120.604.774	(6.377.001.919)	46.887.666.860	(6.377.001.919)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>326.315.373</i>	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6. Nợ xấu

	30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	55.200.455.967	(55.200.455.967)	-	55.600.962.967	(55.600.962.967)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Điện máy Việt Long	6.148.373.827	(6.148.373.827)	-	6.148.373.827	(6.148.373.827)	-
Công ty Cổ phần vận tải TM và XNK Thiện Tài	24.353.472.000	(24.353.472.000)	-	24.353.472.000	(24.353.472.000)	-
Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	12.778.342.970	(12.778.342.970)	-	13.078.342.970	(13.078.342.970)	-
Các đối tượng khác	11.920.267.170	(11.920.267.170)	-	12.020.774.170	(12.020.774.170)	-
- Trả trước cho người bán	5.518.599.530	(5.518.599.530)	-	5.518.599.530	(5.518.599.530)	-
KVN INVESTMENT LLC	4.722.879.570	(4.722.879.570)	-	4.722.879.570	(4.722.879.570)	-
Công ty Cổ phần xếp dỡ lắp đặt máy THL	218.000.000	(218.000.000)	-	218.000.000	(218.000.000)	-
Các đối tượng khác	577.719.960	(577.719.960)	-	577.719.960	(577.719.960)	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
- Phải thu khác	7.605.405.448	(7.605.405.448)	-	7.940.456.682	(7.940.456.682)	-
Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	(3.560.333.333)	-	3.560.333.333	(3.560.333.333)	-
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	750.730.349	(750.730.349)	-	750.730.349	(750.730.349)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	(2.816.668.586)	-	2.816.668.586	(2.816.668.586)	-
Các đối tượng khác	477.673.180	(477.673.180)	-	812.724.414	(812.724.414)	-
Tổng	68.824.460.945	(68.824.460.945)	-	69.560.019.179	(69.560.019.179)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.658.800	-	40.210.140	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.938.080.352	-	2.793.864.185	-
Hàng hóa	155.268.363	-	83.617.095	-
Tổng	3.122.007.515	-	2.917.691.420	-

5.8. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	1.345.136.476	1.680.303.604
Công cụ dụng cụ	248.292.844	-
Chi phí chờ phân bổ	1.096.843.632	1.680.303.604
Dài hạn	3.733.311.378	3.147.018.074
Công cụ dụng cụ	875.400.562	1.975.296.599
Tiền đền bù hoa màu xã Sơn Đông (ICD Đức Thượng)	255.408.549	260.940.861
Chi phí giới thiệu cảng ICD Đức Thượng	811.394.957	811.394.957
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.791.107.310	99.385.657
Tổng	5.078.447.854	4.827.321.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2024	130.076.538.592	15.105.056.887	8.521.784.136	613.532.240	422.064.969	154.738.976.824	
Tăng trong kỳ	4.356.173.452	277.777.779	-	-	96.000.000	4.729.951.231	
Mua trong kỳ	-	277.777.779	-	-	63.000.000	340.777.779	
XDCB hoàn thành	4.356.173.452	-	-	-	-	4.356.173.452	
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000	
Giảm trong kỳ	-	-	453.000.000	-	-	453.000.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	420.000.000	-	-	420.000.000	
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000	
Số dư tại 30/6/2024	134.432.712.044	15.382.834.666	8.068.784.136	613.532.240	518.064.969	159.015.928.055	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2024	91.958.335.104	8.972.216.636	6.391.238.146	402.920.343	238.085.376	107.962.795.605	
Tăng trong kỳ	2.311.015.055	634.884.335	233.862.168	66.023.616	60.813.892	3.306.599.066	
Khấu hao trong kỳ	2.311.015.055	634.884.335	233.862.168	66.023.616	27.813.892	3.273.599.066	
Phân loại lại	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000	
Giảm trong kỳ	-	-	453.000.000	-	-	453.000.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	420.000.000	-	-	420.000.000	
Phân loại lại	-	-	33.000.000	-	-	33.000.000	
Số dư tại 30/6/2024	94.269.350.159	9.607.100.971	6.172.100.314	468.943.959	298.899.268	110.816.394.671	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2024	38.118.203.488	6.132.840.251	2.130.545.990	210.611.897	183.979.593	46.776.181.219	
Tại 30/6/2024	40.163.361.885	5.775.733.695	1.896.683.822	144.588.281	219.165.701	48.199.533.384	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 44.031.066.938 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 30.343.516.234 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	1.044.981.600	1.044.981.600
Tăng trong kỳ	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>1.044.981.600</u>	<u>1.044.981.600</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	844.313.359	844.313.359
Tăng trong kỳ	56.958.176	56.958.176
Khấu hao trong kỳ	56.958.176	56.958.176
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>901.271.535</u>	<u>901.271.535</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	<u>200.668.241</u>	<u>200.668.241</u>
Tại 30/6/2024	<u>143.710.065</u>	<u>143.710.065</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 633.400.000 đồng (tại ngày 31/12/2023 là 633.400.000 đồng).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	<u>30/6/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (i)	262.566.861.014	262.566.861.014	244.389.778.922	244.389.778.922
Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.964.526.639	1.964.526.639	1.964.526.639	1.964.526.639
Xây dựng cơ bản dở dang khác	3.656.438.144	3.656.438.144	2.758.513.194	2.758.513.194
Tổng	<u>268.187.825.797</u>	<u>268.187.825.797</u>	<u>249.112.818.755</u>	<u>249.112.818.755</u>

(i) Dự án đầu tư xây dựng Cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015. Theo Quyết định 4906/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Quy mô, diện tích đất sử dụng khoảng 17,737 ha;
- Tổng vốn đầu tư khoảng 1.720,931 tỷ đồng;
- Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm kể từ ngày 26/01/2015;
- Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2015 - Quý IV/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			91.497.160.581	65.727.821.601	91.829.554.716	69.712.905.954
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	29,00%	29,00%	754.000.000	765.728.218	754.000.000	754.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	39,78%	39,78%	9.594.973.518	545.092.358	9.594.973.518	545.092.358
Công ty Máy liên doanh Plummy (ii)			3.920.787.063	-	3.920.787.063	-
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên hợp	49,00%	49,00%	9.800.000.000	5.004.014.147	9.800.000.000	4.614.519.387
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	30,60%	30,60%	3.060.000.000	1.300.262.506	3.060.000.000	1.657.834.694
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	47,00%	47,00%	30.550.000.000	30.552.066.244	30.882.394.135	30.882.394.135
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	40,00%	40,00%	20.000.000.000	19.887.047.696	20.000.000.000	19.888.816.836
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	40,00%	40,00%	3.920.000.000	4.365.022.760	3.920.000.000	3.920.000.000
Trường trung cấp nghề nhân lực quốc tế Hà Nội			9.897.400.000	3.308.587.672	9.897.400.000	7.450.248.544
Tổng			91.497.160.581	65.727.821.601	91.829.554.716	69.712.905.954

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2024			01/01/2024		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
					Dự phòng			Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác			166.510.480.470		(2.174.850.275)	165.087.344.877		(2.174.850.275)
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không			43.719.756.997	(i)	-	43.719.756.997	(i)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG (iii)	0,78%	0,78%	6.058.759.158	16.518.362.800	-	4.639.659.158	15.219.890.400	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 1	6,08%	6,08%	22.632.000.000	(i)	(2.174.850.275)	22.632.000.000	(i)	(2.174.850.275)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan			811.691	(i)	-	865.389	(i)	-
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Tây Ninh	15,00%	15,00%	82.500.000.000	(i)	-	82.500.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	7,33%	7,33%	5.865.300.000	(i)	-	5.865.300.000	(i)	-
Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương			4.089.291	(i)	-	-	(i)	-
Công ty Cổ phần Ô tô Con Đường mới			5.729.763.333	(i)	-	5.729.763.333	(i)	-
Tổng			166.510.480.470		(2.174.850.275)	165.087.344.877		(2.174.850.275)

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ;

(ii): Khoản đầu tư Công ty nhận bàn giao theo Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 26/09/2012 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty May Liên doanh Plummy chưa xác định tư cách cổ đông của Công ty.

(iii): Trong kỳ, Công ty mua thêm cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu Công ty sở hữu sau giao dịch là 851.462 cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào ASG được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 28/6/2024 là 16.518.326.800 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	308.248.660	-
Tổng	308.248.660	-

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	7.794.259.476	7.794.259.476	9.946.729.468	9.946.729.468
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô tại Hải Phòng	-	-	1.358.046.000	1.358.046.000
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	1.289.326.060	1.289.326.060	1.242.880.250	1.242.880.250
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	277.128.600	277.128.600	2.075.976.000	2.075.976.000
Công ty TNHH Logistics XNK	755.200.000	755.200.000	1.391.300.000	1.391.300.000
Các đối tượng khác	5.472.604.816	5.472.604.816	3.878.527.218	3.878.527.218
b. Dài hạn	4.655.445.480	4.655.445.480	4.462.999.200	4.462.999.200
Changlin Company Limited	4.655.445.480	4.655.445.480	4.462.999.200	4.462.999.200
Tổng	12.449.704.956	12.449.704.956	14.409.728.668	14.409.728.668
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>1.289.326.060</i>	<i>1.289.326.060</i>	<i>1.242.880.250</i>	<i>1.242.880.250</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
Phải nộp	761.834.107	12.135.829.415	11.078.803.106	1.818.860.416
Thuế giá trị gia tăng	349.088.005	2.714.021.005	2.403.906.627	659.202.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.373.914	733.389.593	640.510.229	454.253.278
Thuế thu nhập cá nhân	51.372.188	683.213.466	564.076.505	170.509.149
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.816.787.074	7.281.891.468	534.895.606
Lệ phí môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	170.418.277	170.418.277	-
Phải thu	946.655.071	-	288.613.447	1.235.268.518
Thuế XNK	37.758.123	-	-	37.758.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	815.538.025	-	32.712.659	848.250.684
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	86.454.906	86.454.906
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	93.358.923	-	167.945.882	261.304.805
Lệ phí môn bài	-	-	1.500.000	1.500.000

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	10.066.620.616	8.509.003.544
Lãi vay phải trả	9.260.631.341	7.473.032.532
Chi phí phải trả khác	805.989.275	1.035.971.012
Tổng	10.066.620.616	8.509.003.544
<i>Trong đó: Phải trả các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)	<i>160.891.606</i>	<i>99.452.693</i>

5.17 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	372.400.000	80.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	372.400.000	80.000.000
Tổng	372.400.000	80.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	125.271.736.430	124.819.422.959
Kinh phí công đoàn	113.932.174	76.623.024
Bảo hiểm xã hội	91.624.983	-
Bảo hiểm y tế	7.261.488	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.128.112	-
- Hợp tác kinh doanh	1.420.950.000	1.420.950.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	1.420.950.000	1.420.950.000
- Lãi vay phải trả	25.764.872.827	25.764.872.827
+ Ngân hàng Phát triển VN-Sở GD I -Phòng GD Hà Đông	189.545.619	189.545.619
+ Ngân hàng Nông nghiệp Hoài Đức	94.250.000	94.250.000
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	25.481.077.208	25.481.077.208
- Các khoản phải trả liên quan giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 Phạm Hùng	95.118.788.118	95.118.788.118
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	45.203.127.617	45.203.127.617
+ Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	35.493.704.528	35.493.704.528
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	3.114.611.124	3.114.611.124
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	11.307.344.849	11.307.344.849
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.751.178.728	2.438.188.990
Dài hạn	67.102.911.525	54.967.070.710
Phải trả dài hạn khác	67.102.911.525	54.967.070.710
Tổng	192.374.647.955	179.786.493.669

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.18 Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác (Tiếp theo)

(i) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xóa nợ lãi vay phải trả theo quy định. Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

(ii) Theo Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016 của Sở Tài chính Hà Nội và Công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản đề góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí di dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế - Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, vòng trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567	-	300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng	-	-	3.250.320.000	-
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.114.611.124	10.976.886.278	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.114.611.124	35.493.704.528	45.203.127.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	92.762.895.804	92.762.895.804	4.970.000.000	4.753.630.775	92.546.526.579	92.546.526.579	92.546.526.579
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I - Phòng Giao dịch Hà Đông (1)	499.953.917	499.953.917	-	-	499.953.917	499.953.917	499.953.917
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	400.000.000	400.000.000	-	357.141.000	757.141.000	757.141.000	757.141.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	4.151.347.357	4.151.347.357	-	1.549.989.775	5.701.337.132	5.701.337.132	5.701.337.132
Bà Đào Thị Kim Oanh (2)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Bà Phạm Thị Mai Phương (3)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Ông Nguyễn Minh Tuấn (4)	76.090.993.151	76.090.993.151	-	-	76.090.993.151	76.090.993.151	76.090.993.151
Ông Dương Hoài Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Bà Lê Thị Phương	150.000.000	150.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Ông Vương Quốc Thắng	550.000.000	550.000.000	-	-	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Trương Quang Lượng	-	-	-	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Phùng Tiến Toàn	810.000.000	810.000.000	-	810.000.000	810.000.000	810.000.000	810.000.000
Tăng Minh Ngọc	135.000.000	135.000.000	-	-	135.000.000	135.000.000	135.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.283.500.000	3.283.500.000	4.200.000.000	916.500.000	-	-	-
Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển văn hóa Các đối tượng khác	192.101.379	192.101.379	-	-	192.101.379	192.101.379	192.101.379
Vay dài hạn đến hạn trả	111.700.002	111.700.002	770.000.000	770.000.000	223.400.004	223.400.004	223.400.004
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	111.700.002	111.700.002	-	111.700.002	223.400.004	223.400.004	223.400.004
Vay dài hạn	3.539.883.323	3.539.883.323	-	-	3.539.883.323	3.539.883.323	3.539.883.323
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (5)	539.883.323	539.883.323	-	-	539.883.323	539.883.323	539.883.323
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	96.414.479.129	96.414.479.129	4.970.000.000	4.865.330.777	96.309.809.906	96.309.809.906	96.309.809.906

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vay và nợ tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- (1) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tơ tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Hà Đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- (2) Các khoản vay giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Đào Thị Kim Oanh với kỳ hạn từ 03 đến 06 tháng với lãi suất 7%/năm.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2023/HĐVV/ILS-PTMP ngày 4/4/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Bà Phạm Thị Mai Phương; Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 3 tháng; Lãi suất là 15,5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 3 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Số dư khoản vay đến thời điểm ngày 30/6/2024 là 400.000.000 đồng.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng số 06/2021/HĐVV/ILS-NMT ngày 10/3/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ông Nguyễn Minh Tuấn; Số tiền vay: 74.250.000.000 đồng; Thời hạn vay là 6 tháng; Lãi suất là 5%/năm; Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 6 tháng cho tới khi hai bên ký thanh lý hợp đồng. Số dư khoản vay đến thời điểm ngày 30/6/2024 là 76.090.993.151 đồng.
- (5) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 817900011095 ngày 17/05/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng - Phòng giao dịch Mỹ Đình; Giá trị tối đa của khoản vay là 1.117.000.000 đồng; Thời hạn vay là 5 năm; Lãi suất trong hạn là 7.5%/năm; Tài sản đảm bảo là xe ô tô Ford biển số 30H-706.52.
- (6) Khoản vay theo Hợp đồng số 02/2023/HĐVV/ILS-ILST ngày 25/7/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam; Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất là 7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	360.000.000.000	(78.226.727.039)	69.699.665.015	351.472.937.976
Lãi trong năm trước	-	3.126.387.263	2.304.005.286	5.430.392.549
Chia trả cổ tức	-	(1.424.457.070)	(379.437.214)	(1.803.894.284)
Thanh lý công ty con	-	(184.548.261)	(25.880.000.000)	(26.064.548.261)
Thù lao HĐQT, BKS	-	(333.000.000)	-	(333.000.000)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	2.953.335.714	3.994.694.832	6.948.030.546
Số dư tại 31/12/2023	360.000.000.000	(74.089.009.393)	49.738.927.919	335.649.918.526
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000.000	(74.089.009.393)	49.738.927.919	335.649.918.526
Lãi trong năm nay	-	1.328.733.679	1.154.377.012	2.483.110.691
Chia trả cổ tức	-	-	(1.487.251.355)	(1.487.251.355)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	(3.658.878.201)	(61.910.784)	(3.720.788.985)
Số dư tại 30/6/2024	360.000.000.000	(76.419.153.915)	49.344.142.792	332.924.988.877

(i) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa có ý kiến chính thức về vấn đề này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (UBND Thành phố Hà Nội)	162.000.000.000	162.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	97.200.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	100.800.000.000	100.800.000.000
Tổng	360.000.000.000	360.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

a. Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.757,73	92.781.929	1.980,16	46.826.931
JPY	906.776	147.633.740	24.961	4.187.957
CNY	-	-	190.293	642.146.408
Tổng		240.415.669		693.161.296

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

b. Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành. Thông tin các lô đất như sau:

Tại Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

- Lô đất thuê tại số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Quyết định 679/QĐ-UB ngày 23/01/2003, Hợp đồng thuê đất số 38-2003/ĐCND-HĐTĐTN ngày 08/4/2003 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất ngày 15/10/2007 giữa bên cho thuê đất Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội và Công ty Dịch vụ lao động Hợp tác quốc tế (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế); Diện tích khu đất được thuê là 55.250 m², trong đó 50.029 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường theo quy hoạch để xây dựng công trình, 5.221 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch. Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 23/01/2003 đối với diện tích 50.029 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường theo quy hoạch để xây dựng công trình, hàng năm đối với 5.221 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch. Lô đất hiện tại đang sử dụng để hoạt động Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình. Theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 26/01/2015 của UBND Thành phố Hà Nội đã quyết định chấp thuận chủ trương di dời Cảng Nội địa (ICD) Mỹ Đình về xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

- Lô đất thuê tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức theo Quyết định 5550/QĐ-UBND ngày 11/8/2017, Hợp đồng thuê đất số 182/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 04/4/2018, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 19/PLHĐTĐ-STNMT-KTĐ ngày 16/01/2003 giữa UBND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế; Diện tích đất thuê 21.081 m² đất tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, trong đó 19.756,4 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường quy hoạch cho Công ty thuê theo hiện trạng để tiếp tục sử dụng vào mục đích cơ sở sản xuất kinh doanh, 733,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường để sử dụng làm đường đi chung với khu tập thể, Công ty không được xây dựng công trình; 591,1 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường quy hoạch và giới hạn hành lang bảo vệ đường, cho Công ty thuê hiện trạng, tuyệt đối không được xây dựng công trình, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy hoạch. Thời hạn thuê đất hàng năm.

Tại Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây

Công ty quản lý và sử dụng lô đất tại bãi Sông Hồng với diện tích 8.596 m² thuộc địa phận Thị xã Sơn Tây. Lô đất chưa ký Hợp đồng thuê đất, chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên có thông báo tiền thuê đất hàng năm của Chi cục thuế Thị xã Sơn Tây; Mục đích sử dụng đất: Kinh doanh dịch vụ; Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất.

Tại Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Quốc tế

Công ty quản lý và sử dụng lô đất tại số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội: Công ty ký hợp đồng thuê đất số 165/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 21/3/2018 giữa UNND Thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế; Diện tích thuê đất là 2.746,9 m²; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn thuê đất: hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.588.028.002	62.579.775.633
Doanh thu bán hàng hóa	1.492.800.000	18.827.995.347
Tổng	74.080.828.002	81.407.770.980
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>195.643.152</i>	<i>2.949.755.155</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	59.568.867.019	48.914.962.804
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.092.624.079	18.632.862.440
Tổng	60.661.491.098	67.547.825.244

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.283.167.461	337.307.773
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá phát sinh trong kỳ	-	5.145.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.871.582.000
Tổng	1.283.167.461	3.214.034.945
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>107.211.033</i>	<i>159.328.765</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lãi tiền vay	2.053.675.448	2.477.743.960
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	190.482.386	35.589.766
Dự phòng đầu tư tài chính	-	38.400.000
Tổng	2.244.157.834	2.551.733.726

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND (Trình bày lại)
Chi phí bán hàng	-	1.115.263.595
Chi phí nhân viên quản lý	-	629.683.792
Chi phí bằng tiền khác	-	485.579.803
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.832.568.702	21.459.397.960
Chi phí nhân viên quản lý	7.139.000.808	6.529.848.044
Chi phí đồ dùng văn phòng	732.792.378	365.262.147
Chi phí khấu hao TSCĐ	452.782.554	385.519.692
Thuế phí và lệ phí	511.227.706	387.317.336
Chi phí dự phòng	(735.558.234)	11.428.342.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.442.790	893.464.054
Chi phí bằng tiền khác	1.836.880.700	1.469.643.717
Tổng	10.832.568.702	22.574.661.555

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND (Trình bày lại)
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định hữu hình	637.272.727	710.454.545
Thu nhập khác	308.009.142	826.488
Tổng	945.281.869	711.281.033
Chi phí khác		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm về thuế	413.862.952	228.422.669
Giá trị còn lại, chi phí từ thanh lý tài sản	-	286.727.274
Chi phí khác	13.162.251	10.006.562
Tổng	427.025.203	525.156.505
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	518.256.666	186.124.528

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	661.311.643	538.452.569
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	661.311.643	538.452.569

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(46.187.839)	-
Tổng	(46.187.839)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.483.110.692	(8.404.742.641)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.154.377.012	989.262.082
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành, thường Ban điều hành</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.328.733.680	(9.394.004.723)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	37	(261)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	986.874.133	1.230.838.406
Chi phí nhân công	9.832.306.915	8.490.697.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.285.830.405	1.441.618.516
Chi phí dự phòng	(400.506.988)	11.428.342.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.203.827.823	45.383.991.337
Chi phí khác bằng tiền	1.452.850.539	1.368.721.414
Tổng	56.361.182.827	69.344.209.724

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Công ty liên kết
Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết gián tiếp

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

Ảnh hưởng đáng kể

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		– kết thúc	– kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Thù lao	258.000.000	204.000.000
Lương, thưởng của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.309.407.000	1.327.812.000

Trong đó, chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		– kết thúc	– kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị		180.000.000	144.000.000
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên	30.000.000	24.000.000
Ông Triệu Văn Bằng	Thành viên	30.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	30.000.000	24.000.000
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên	30.000.000	24.000.000
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát		78.000.000	60.000.000
Bà Ngô Thị Hoàng Yên	Trưởng BKS	30.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Minh Hào	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		1.309.407.000	1.327.812.000
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	423.720.000	423.720.000
Ông Vũ Hoàng Thao	Tổng Giám đốc	341.821.000	350.134.000
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc	264.938.000	268.235.000
Ông Triệu Văn Bằng	Phó Tổng Giám đốc	278.928.000	285.723.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND
Bán hàng				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết		195.643.152	2.949.755.155
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp	Công ty liên kết		41.109.580	105.148.540
Công ty Cổ phần Bê tông Sơn Tây	Công ty liên kết gián tiếp		8.916.560	44.470.480
Công ty CP Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết gián tiếp		36.000.000	1.900.136.135
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết		24.000.000	900.000.000
Mua hàng				
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Thuê văn phòng	85.617.012	-
Lãi cho vay				
Công ty cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	Lãi cho vay	33.000.000	33.000.000
Cổ tức được chia				
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	107.211.033	159.328.765
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	107.211.033	159.328.765
			954.200.000	-
			916.500.000	-
			37.700.000	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết		5.525.687.248	3.127.725.541
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết		2.839.665.943	620.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết		2.135.162.479	2.131.686.972
Công ty Cổ phần Chuỗi cung ứng Liên Hợp	Công ty liên kết		21.062.354	43.585.954
Công ty Cổ phần Bê Tông Sơn Tây	Công ty liên kết		3.058.715	4.066.009
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết		126.053.031	
			400.684.726	328.386.606
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết		326.315.373	-
			326.315.373	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay			7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	Công ty liên kết	Cho vay	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải trả người bán			1.289.326.060	1.242.880.250
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	1.289.326.060	1.242.880.250
Chi phí phải trả			160.891.606	99.452.693
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	152.438.913	91.000.000
		Phải trả khác	8.452.693	8.452.693

7.2 Thông tin khác

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên B) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên A) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các bên thống nhất cùng nhau thành lập một Công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng tổ hợp chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập Công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên.

Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội).

Theo tiến độ thực hiện dự án, bên B sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Thúy Trang.

Theo Văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Sau khi xem xét, UBND Thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TĐND ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tại sân trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền có được đền bù thỏa thuận hỗ trợ”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin khác (Tiếp theo)

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 902/TB-KVI ngày 11/12/2018 tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) của Kiểm toán Nhà nước khu vực I về kiểm toán chuyên đề việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý Nhà nước của UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2013-2017. Kiểm toán Nhà nước có kiến nghị với UBND Thành phố Hà Nội liên quan đến phương án sử dụng đất chưa phù hợp, chậm triển khai:

- Xem xét điều chỉnh các quyết định phê duyệt chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất thực hiện dự án từ lâu nhưng không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật; Xem xét điều chỉnh quyết định cho phép chuyển đổi công năng sử dụng đất từ trụ sở làm việc sang đất thương mại, dịch vụ không đúng phương án cổ phần hóa; chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất 11.959 m² tại 17 Phạm Hùng của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế và bổ sung chuyển đổi mục đích sử dụng đất 2.746,9 m² tại 358 đường Láng cho Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế để kinh doanh dịch vụ và thương mại.
- Chỉ đạo rà soát, đàm phán hủy bỏ các hợp đồng liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư chuyển đổi mục đích sử dụng đất, liên quan đến quyền sử dụng đất thuê Nhà nước, trả tiền hàng năm không đúng quy định; đánh giá lại năng lực các nhà đầu tư, nếu không đủ năng lực triển khai dự án thì làm việc với đối tác để chấm dứt hợp đồng giữa Công ty với Công ty Đầu tư và Thương mại Hệ thống Quốc tế và bà Nguyễn Thị Thu Thảo để triển khai dự án 11.959,5 m² tại số 17 đường Phạm Hùng từ năm 2007 đến nay vẫn chưa triển khai dự án. Thực hiện đấu thầu để lựa chọn đối tác góp vốn liên doanh, liên kết để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đầu tư xây dựng, kinh doanh thương mại dịch vụ, bất động sản... gắn với quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, hiệu quả nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam
Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trong kỳ, Công ty thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2023 đã phát hành, dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty thay đổi như sau:

• **Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất:**

Chỉ tiêu	MS	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2023	Chênh lệch VND
		Trình bày lại VND	Đã trình bày VND	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	232.625.400.556	232.625.400.556	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	69.712.905.954	90.634.087.111	(20.921.181.157)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(2.174.850.275)	(23.096.031.432)	20.921.181.157
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	640.978.570.926	640.978.570.926	-

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Kế toán trưởng

Phạm Xuân Phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc



Vũ Hoàng Thao